

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016  
(đã được soát xét)

## **NỘI DUNG**

**Trang**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 -05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-35
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-35



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa -

Vũng Tàu, Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492031000061 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 16 tháng 02 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	
Ông Lê Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/03/2016
Ông Hồ Quang Thiệp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/03/2016
Ông Tạ Ngọc Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Đại	Thành viên	
Bà Võ Thị Lê Châu	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Đại	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Thọ	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thúy Trinh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12/04/2016
Bà Trần Thị Thùy Trang	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 12/04/2016
Bà Nguyễn Trần Bảo Ngọc	Thành viên	
Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	Thành viên	

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 07 năm 2016

Số: 1658/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thép Tâm lá Thống Nhất**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Tâm lá Thống Nhất được lập ngày 10 tháng 07 năm 2016, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 30/06/2016, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 124,04 tỷ VND (nợ ngắn hạn lớn gấp 1,89 lần tài sản ngắn hạn); lỗ lũy kế đến 30/06/2016 là 277,27 tỷ VND; Vốn chủ sở hữu âm 76,50 tỷ VND. Những sự kiện này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày tại Thuyết minh số 1.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi Kết luận của Kiểm toán viên về Báo cáo tài chính giữa niên độ nêu trên.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu, Việt NamBáo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>139.070.219.369</b>	<b>55.953.482.763</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>16.660.105.819</b>	<b>1.900.933.938</b>
111	1. Tiền		15.160.105.819	1.900.933.938
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.500.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>18.275.564.724</b>	<b>6.356.193.906</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	9.954.662.841	732.076.834
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	1.174.766.373	1.146.797.303
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	7.146.135.510	4.477.319.769
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>98.753.650.546</b>	<b>46.132.209.919</b>
141	1. Hàng tồn kho		101.407.043.619	46.147.862.428
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.653.393.073)	(15.652.509)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.380.898.280</b>	<b>1.564.145.000</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.691.080.463	1.511.609.099
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.627.300.070	1.076.744
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	62.517.747	51.459.157
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>400.249.988.809</b>	<b>414.280.486.042</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>394.287.878.656</b>	<b>408.406.224.651</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	394.287.878.656	408.406.224.651
222	- Nguyên giá		540.620.465.697	540.620.465.697
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(146.332.587.041)	(132.214.241.046)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.962.110.153</b>	<b>5.874.261.391</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	5.962.110.153	5.874.261.391
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>539.320.208.178</b>	<b>470.233.968.805</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>615.819.680.893</b>	<b>555.192.626.639</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>263.113.768.192</b>	<b>198.427.113.938</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	169.286.483.742	109.121.319.913
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	10.158.074.551	11.892.928.665
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	811.532.607	1.098.562.788
314	4. Phải trả người lao động		833.760.115	577.590.814
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	69.821.739.209	60.655.270.731
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	228.798.161	345.341.413
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	11.548.000.000	14.074.540.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		425.379.807	661.559.614
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>352.705.912.701</b>	<b>356.765.512.701</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	352.705.912.701	356.765.512.701
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(76.499.472.715)</b>	<b>(84.958.657.834)</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>(76.499.472.715)</b>	<b>(84.958.657.834)</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		769.839.744	769.839.744
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(277.269.312.459)	(285.728.497.578)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(285.728.497.578)	(235.819.029.168)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		8.459.185.119	(49.909.468.410)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>539.320.208.178</b>	<b>470.233.968.805</b>



**Ngô Thị Lan Anh**  
Người lập



**Trần Thị Thùy Trang**  
Kế toán trưởng




**Nguyễn Văn Đại**  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 07 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**


Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	541.344.576.738	332.730.192.643
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	126.698.148	3.518.407.732
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		541.217.878.590	329.211.784.911
11	4. Giá vốn hàng bán	20	519.001.712.520	329.232.447.286
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.216.166.070	(20.662.375)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.715.543.116	20.696.344
22	7. Chi phí tài chính	22	11.782.065.272	21.025.739.236
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		10.545.714.066	8.374.384.669
25	8. Chi phí bán hàng	23	1.600.844.480	1.485.087.794
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	2.913.678.542	2.236.959.669
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.635.120.892	(24.747.752.730)
31	11. Thu nhập khác	25	976.680.389	11.131.655
32	12. Chi phí khác	26	152.616.162	212.249.331
40	13. Lợi nhuận khác		824.064.227	(201.117.676)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.459.185.119	(24.948.870.406)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>8.459.185.119</u>	<u>(24.948.870.406)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	423	(1.247)


Ngô Thị Lan Anh  
Người lập

Trần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 07 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.459.185.119	(24.948.870.406)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.118.345.995	14.201.763.118
03	- Các khoản dự phòng		2.637.740.564	(13.345.718)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.646.170.933)	5.374.264.488
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(69.372.183)	(17.446.344)
06	- Chi phí lãi vay		10.545.714.066	8.374.384.669
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		34.045.442.628	2.970.749.807
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(15.556.652.734)	(6.599.333.551)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(55.259.181.191)	(18.454.290.464)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		59.062.750.111	47.243.859.453
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(267.320.126)	4.403.771.188
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.131.709.183)	(8.746.701.106)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	2.605.621.686
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(236.179.807)	(5.326.159.470)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		19.657.149.698	18.097.517.543
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(97.000.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		69.372.183	17.446.344
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		69.372.183	(79.553.656)
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	24.066.697.805
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(4.967.350.000)	(20.679.322.488)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.967.350.000)	3.387.375.317

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016*

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		14.759.171.881	21.405.339.204
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.900.933.938	1.839.936.184
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(435.596)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>16.660.105.819</u>	<u>23.244.839.792</u>



**Ngô Thị Lan Anh**  
Người lập



**Trần Thị Thùy Trang**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Đại**  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 07 năm 2016

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492031000061 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 16 tháng 02 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán;
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Tại thời điểm 30/06/2016, lỗ lũy kế của Công ty là 277.269.312.459 đồng, vượt vốn đầu tư của chủ sở hữu là 76.499.472.715 đồng. Ngoài ra tại thời điểm này, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn một khoản là 124.043.548.823 đồng (nợ ngắn hạn gấp 1,89 lần tài sản ngắn hạn). Tuy nhiên các khoản nợ vay ngân hàng của Công ty được Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP bảo lãnh và các khoản nợ khác của Công ty trong cùng Tổng Công ty được cho trả dần nợ trong nhiều năm cho đến khi Công ty có đủ khả năng trả nợ. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả bên ngoài vẫn được thanh toán đúng tiến độ và không có nợ quá hạn. Các hợp đồng sản xuất và gia công vẫn đảm bảo cho Công ty hoạt động, thanh toán lãi và nợ gốc đến hạn. Do vậy Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 vẫn được lập dựa trên giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.6 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành ở mỗi giai đoạn sản xuất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.7 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

**2.8 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.9 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.10 . Vay**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.11 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.12 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.13 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**2.14 . Doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

110  
'G TY  
M HUU  
M TO  
SC  
TP. H

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **2.15 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### **2.16 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### **2.17 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### 2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

#### b) Ưu đãi thuế

Theo giấy phép đầu tư số 492031000061 chứng nhận lần đầu ngày 20/09/2007:

Thuế suất 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 28% (nay là 22%) lợi nhuận thu được trong các năm tiếp theo.

Miễn thuế TNDN trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo.

### 2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	227.905.007	295.604.389
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.932.200.812	1.605.329.549
Các khoản tương đương tiền	1.500.000.000	-
	<u>16.660.105.819</u>	<u>1.900.933.938</u>

Tại 30/06/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ ngày 22/06/2016 đến 22/09/2016 có giá trị là 1.500.000.000VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam với lãi suất từ 5,2%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty TNHH MTV Thép Tâm lá Phú Mỹ	-	511.923.989
- Công ty Cổ phần Maruichisun Steel	-	213.591.950
- Công ty CP Thép TVP	9.765.565.700	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	189.097.141	6.560.895
	<b>9.954.662.841</b>	<b>732.076.834</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	-	<b>511.923.989</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.		

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH STD&D	478.917.840	-	-	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Động lực SERVO	-	-	246.054.600	-
Công ty TNHH TM Công nghiệp Tâm Việt Phúc	-	-	706.200.000	-
Trả trước cho người bán khác	695.848.533	-	194.542.703	-
	<b>1.174.766.373</b>	<b>-</b>	<b>1.146.797.303</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	305.268.072	-	146.974.400	-
Ký cược, ký quỹ	6.832.533.830	-	4.156.441.920	-
Phải thu khác	8.333.608	-	173.903.449	-
	<b>7.146.135.510</b>	<b>-</b>	<b>4.477.319.769</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2016		01/01/2016	
	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND
Nguyên liệu, vật liệu	55.890.420.819	-	30.234.031.896	-
Công cụ, dụng cụ	28.264.797	-	39.791.647	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.945.444.568	-	14.359.626.795	-
Thành phẩm	19.816.554.499	(1.480.757.104)	1.514.412.090	(15.652.509)
Hàng hoá	11.726.358.936	(1.172.635.969)	-	-
	<u><b>101.407.043.619</b></u>	<u><b>(2.653.393.073)</b></u>	<u><b>46.147.862.428</b></u>	<u><b>(15.652.509)</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu,  
Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	74.830.811.937	444.684.042.360	19.925.625.063	1.179.986.337	540.620.465.697
Số dư cuối kỳ	74.830.811.937	444.684.042.360	19.925.625.063	1.179.986.337	540.620.465.697
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11.036.020.312	108.774.827.168	11.428.054.538	975.339.028	132.214.241.046
- Khấu hao trong kỳ	1.031.104.827	12.065.931.572	981.777.048	39.532.548	14.118.345.995
Số dư cuối kỳ	12.067.125.139	120.840.758.740	12.409.831.586	1.014.871.576	146.332.587.041
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	63.794.791.625	335.909.215.192	8.497.570.525	204.647.309	408.406.224.651
Tại ngày cuối kỳ	62.763.686.798	323.843.283.620	7.515.793.477	165.114.761	394.287.878.656

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 326.259.568.078 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.944.754.122 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.352.842.656	1.511.609.099
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	338.237.807	-
	<u><b>1.691.080.463</b></u>	<u><b>1.511.609.099</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ và sửa chữa máy	5.962.110.153	5.874.261.391
	<u><b>5.962.110.153</b></u>	<u><b>5.874.261.391</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV Thép Tâm lá Phú Mỹ	31.942.364.346	31.942.364.346	28.547.915.650	28.547.915.650
- Công ty CP Kim khí Hồ Chí Minh	53.297.955.416	53.297.955.416	56.820.220.480	56.820.220.480
- Công ty CP Thép TVP	46.627.332.005	46.627.332.005	13.211.602.610	13.211.602.610
- Phải trả các đối tượng khác	37.418.831.975	37.418.831.975	10.541.581.173	10.541.581.173
	<b>169.286.483.742</b>	<b>169.286.483.742</b>	<b>109.121.319.913</b>	<b>109.121.319.913</b>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)	<b>85.240.319.762</b>	<b>85.240.319.762</b>	<b>85.368.136.130</b>	<b>85.368.136.130</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Công ty Tôn Phương Nam	7.284.587.560	6.776.221.599
- Công ty CP Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	1.000.000.000	4.799.457.332
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	1.873.486.991	317.249.734
	<u><u>10.158.074.551</u></u>	<u><u>11.892.928.665</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT TÁM LÁ THÔNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		1.098.562.788		2.219.445.760		2.506.475.941		-			811.532.607
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		224.574.534		224.574.534		-			-
Thuế Thu nhập cá nhân	51.459.157		-		45.701.508		56.760.098		62.517.747			-
Các loại thuế khác	-		-		44.960.000		44.960.000		-			-
	<b>51.459.157</b>		<b>1.098.562.788</b>		<b>2.534.681.802</b>		<b>2.832.770.573</b>		<b>62.517.747</b>			<b>811.532.607</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	35.004.482.940	26.590.478.057
- Lãi trả chậm mua nguyên vật liệu	34.507.056.610	33.284.373.760
- Lương phép và lương tháng 13	-	637.359.822
- Chi phí vệ sinh nhà xưởng công nghiệp	-	30.150.000
- Thuê nhà nghỉ ca	39.000.000	42.000.000
- Chi phí phải trả khác	271.199.659	70.909.092
	<b>69.821.739.209</b>	<b>60.655.270.731</b>

**14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	12.499.198	12.841.998
- Bảo hiểm xã hội	96.564.810	11.732.216
- Bảo hiểm y tế	14.693.729	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	6.521.546	-
- Thuế TNCN khấu trừ thừa của CBCNV	-	60.070.352
- Tiền thuế Công ty Tenova nộp hộ	-	138.931.916
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	98.518.878	121.764.931
	<b>228.798.161</b>	<b>345.341.413</b>

0011  
 CÔNG  
 ACH NH  
 ỨNG K  
 AA  
 DAN KI

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng  
Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**15 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Nợ dài hạn đến hạn trả ...	14.074.540.000	14.074.540.000	-	2.526.540.000	11.548.000.000	11.548.000.000
- Hợp đồng đồng tài trợ giữa Vietcombank và CFC (2,3)	14.074.540.000	14.074.540.000	-	2.526.540.000	11.548.000.000	11.548.000.000
	<u>14.074.540.000</u>	<u>14.074.540.000</u>	-	<u>2.526.540.000</u>	<u>11.548.000.000</u>	<u>11.548.000.000</u>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn hợp đồng đồng tài trợ giữa Vietcombank và CFC (2,3)	256.159.562.735	256.159.562.735	-	4.086.140.000	252.073.422.735	252.073.422.735
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (1)	114.680.489.966	114.680.489.966	-	2.500.000.000	112.180.489.966	112.180.489.966
	<u>370.840.052.701</u>	<u>370.840.052.701</u>	-	<u>6.586.140.000</u>	<u>364.253.912.701</u>	<u>364.253.912.701</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(14.074.540.000)	(14.074.540.000)	-	(2.526.540.000)	(11.548.000.000)	(11.548.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>356.765.512.701</u>	<u>356.765.512.701</u>	-	<u>352.705.912.701</u>	<u>352.705.912.701</u>	<u>352.705.912.701</u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

(1) Đây là khoản Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP trả thay nợ gốc và lãi vay của Công ty đối với các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; lãi suất là 6,5%/năm. Số dư tại ngày 30/06/2016 là 112.180.489.966 đồng.

Khoản vay đồng tài trợ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh và Công ty Tài chính Cổ phần Xi Măng (CFC) bao gồm 02 hợp đồng vay sau:

- (2) Hợp đồng tín dụng số 0012/ĐTDA/10CD ngày 12 tháng 04 năm 2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 132.650.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: thanh toán chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư Dự án Nhà máy thép cán nguội Thống Nhất;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
  - + Lãi suất cho vay: được tính bằng công thức: lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng + lãi suất biên VND;
  - + Số dư tại ngày 30/06/2016 là: 73.398.102.735 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 7.080.000.000 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự án gồm: tài sản gắn liền trên đất, máy móc thiết bị, các tài sản khác thuộc Dự án.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 0017/ĐTDA/09CN ngày 23 tháng 04 năm 2009, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 15.000.000 USD;
  - + Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư Dự án Nhà máy thép cán nguội Thống Nhất bao gồm: chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
  - + Lãi suất cho vay: được tính bằng công thức: lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng + lãi suất biên USD;
  - + Số dư tại ngày 30/06/2016 là: 178.675.320.000 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 4.468.000.000 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự án gồm: tài sản gắn liền trên đất, máy móc thiết bị, các tài sản khác thuộc Dự án.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	200.000.000.000	769.839.744	(235.087.704.637)	(34.317.864.893)
Lỗ trong kỳ trước	-	-	(24.948.870.406)	(24.948.870.406)
Số dư cuối kỳ trước	200.000.000.000	769.839.744	(260.036.575.043)	(59.266.735.299)
Số dư đầu kỳ này	200.000.000.000	769.839.744	(285.728.497.578)	(84.958.657.834)
Lãi trong kỳ này	-	-	8.459.185.119	8.459.185.119
Số dư cuối kỳ này	200.000.000.000	769.839.744	(277.269.312.459)	(76.499.472.715)

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Thép Việt Nam	62.494.810.000	31,25%	62.494.810.000	31,25%
Công ty Tôn Phương Nam	10.000.000.000	5,00%	10.000.000.000	5,00%
Công ty CP Kim khí Hồ Chí Minh	14.000.000.000	7,00%	14.000.000.000	7,00%
Công ty TNHH TM Thép Mười Đầy	2.800.000.000	1,40%	2.800.000.000	1,40%
Công ty CP ĐT TM SMC	14.000.000.000	7,00%	14.000.000.000	7,00%
Công ty CP Tài chính Xi Măng	11.999.090.000	6,00%	11.999.090.000	6,00%
Vốn góp của các cổ đông khác	84.706.100.000	42,35%	84.706.100.000	42,35%
	<b>200.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
<b>d) Cổ phiếu</b>	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>e) Các quỹ công ty</b>	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	769.839.744	769.839.744
	<b>769.839.744</b>	<b>769.839.744</b>
<b>17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		
<b>Ngoại tệ các loại</b>	30/06/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	204,62	204,62
<b>18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	509.099.513.967	317.715.301.895
Doanh thu gia công	25.998.783.429	8.478.463.350
Doanh thu bán phế liệu	6.246.279.342	6.536.427.398
	<b>541.344.576.738</b>	<b>332.730.192.643</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)	<b>108.091.042.881</b>	<b>61.909.529.547</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	3.218.370.885
Giảm giá hàng bán	126.698.148	300.036.847
	<b>126.698.148</b>	<b>3.518.407.732</b>

**20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	490.809.018.295	314.521.666.213
Giá vốn dịch vụ gia công	19.199.889.980	7.865.659.301
Giá vốn phế liệu	6.355.063.681	6.858.467.490
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.637.740.564	(13.345.718)
	<b>519.001.712.520</b>	<b>329.232.447.286</b>

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	69.372.183	17.446.344
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	3.250.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.646.170.933	-
	<b>1.715.543.116</b>	<b>20.696.344</b>

**22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.545.714.066	8.374.384.669
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.222.682.850	7.027.040.079
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	13.668.356	250.050.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	5.374.264.488
	<b>11.782.065.272</b>	<b>21.025.739.236</b>

**23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	604.780.129	598.765.812
Chi phí dịch vụ mua ngoài	934.762.079	854.321.982
Chi phí khác bằng tiền	61.302.272	32.000.000
	<b>1.600.844.480</b>	<b>1.485.087.794</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	30.307.706
Chi phí nhân công	1.296.683.746	1.048.000.449
Chi phí khấu hao tài sản cố định	122.469.512	190.313.346
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	981.632.320	807.919.624
Chi phí khác bằng tiền	507.892.964	160.418.544
	<b>2.913.678.542</b>	<b>2.236.959.669</b>

**25 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tiền phạt thu được	-	11.131.655
Hoàn thuế nhà thầu	976.680.389	-
	<b>976.680.389</b>	<b>11.131.655</b>

**26 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	96.309.199	-
Chi phí khác	56.306.963	212.249.331
	<b>152.616.162</b>	<b>212.249.331</b>

**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	8.459.185.119	(24.948.870.406)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.459.185.119	(24.948.870.406)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>423</b>	<b>(1.247)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	482.372.382.883	285.860.774.126
Chi phí nhân công	5.797.475.694	5.202.418.940
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.118.345.995	14.201.763.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.674.682.576	9.179.462.122
Chi phí khác bằng tiền	1.416.538.164	1.651.965.149
	<b>516.379.425.312</b>	<b>316.096.383.455</b>

**29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.660.105.819	-	1.900.933.938	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.100.798.351	-	5.209.396.603	-
	<b>33.760.904.170</b>	<b>-</b>	<b>7.110.330.541</b>	<b>-</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			364.253.912.701	370.840.052.701
Phải trả người bán, phải trả khác			169.515.281.903	109.466.661.326
Chi phí phải trả			69.821.739.209	60.655.270.731
			<b>603.590.933.813</b>	<b>540.961.984.758</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẮM LÁ THÔNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.660.105.819	-	-	16.660.105.819
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.100.798.351	-	-	17.100.798.351
	<u>33.760.904.170</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>33.760.904.170</u>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.900.933.938	-	-	1.900.933.938
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.209.396.603	-	-	5.209.396.603
	<u>7.110.330.541</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>7.110.330.541</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẮM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>				
Vay và nợ	11.548.000.000	352.705.912.701	-	364.253.912.701
Phải trả người bán, phải trả khác	169.515.281.903	-	-	169.515.281.903
Chi phí phải trả	69.821.739.209	-	-	69.821.739.209
	<u>250.885.021.112</u>	<u>352.705.912.701</u>	<u>-</u>	<u>603.590.933.813</u>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	14.074.540.000	356.765.512.701	-	370.840.052.701
Phải trả người bán, phải trả khác	109.466.661.326	-	-	109.466.661.326
Chi phí phải trả	60.655.270.731	-	-	60.655.270.731
	<u>184.196.472.057</u>	<u>356.765.512.701</u>	<u>-</u>	<u>540.961.984.758</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thép tấm lá và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:  
(riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 15.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2016	2015
		VND	VND
<b>Doanh thu</b>		<b>108.091.042.881</b>	<b>61.909.529.547</b>
Công ty Tôn Phương Nam	Cổ đông sáng lập	64.932.989.352	45.944.263.647
Công ty CP Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	Công ty con của TCT	41.275.725.250	15.965.265.900
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Công ty con của TCT	1.882.328.279	-
<b>Mua hàng</b>		<b>82.064.821.560</b>	<b>30.482.691.808</b>
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Công ty con của TCT	19.678.076.325	2.022.302.000
Công ty CP Kim khí HCM	Cổ đông sáng lập	62.386.745.235	28.460.389.808
<b>Lãi trả chậm</b>		<b>1.222.682.850</b>	<b>3.818.645.381</b>
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Công ty con của TCT	1.222.682.850	1.235.322.396
Công ty CP Kim khí HCM	Cổ đông góp vốn	-	2.583.322.985
<b>Lãi bảo lãnh của TCT</b>		<b>3.750.111.656</b>	<b>3.208.394.698</b>
Tổng Công ty Thép Việt Nam	Cổ đông sáng lập	3.750.111.656	3.208.394.698

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>-</b>	<b>511.923.989</b>
Công ty TNHH Thép Tấm lá Phú Mỹ	Công ty con của TCT	-	511.923.989
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>85.240.319.762</b>	<b>85.368.136.130</b>
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Công ty con của TCT	31.942.364.346	28.547.915.650
Công ty CP Kim khí Hồ Chí Minh	Cổ đông sáng lập	53.297.955.416	56.820.220.480
<b>Người mua trả tiền trước</b>		<b>8.284.587.560</b>	<b>11.575.678.931</b>
Công ty Tôn Phương Nam	Cổ đông sáng lập	7.284.587.560	6.776.221.599
Công ty CP Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	Công ty con của TCT	1.000.000.000	4.799.457.332
<b>Lãi trả chậm</b>		<b>34.507.056.610</b>	<b>33.284.373.760</b>
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Cổ đông sáng lập	13.570.265.291	12.347.582.441
Công ty CP Kim khí HCM	Công ty con của TCT	10.158.875.813	10.158.875.813
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông sáng lập	10.777.915.506	10.777.915.506
<b>Vay của Tổng Công ty</b>		<b>112.180.489.966</b>	<b>114.680.489.966</b>
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông sáng lập	112.180.489.966	114.680.489.966
<b>Lãi vay của Tổng Công ty</b>		<b>23.938.254.294</b>	<b>20.188.142.638</b>
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông sáng lập	23.938.254.294	20.188.142.638

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán và có thực hiện phân loại lại một số chỉ tiêu cho phù hợp với quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại</u> VND	<u>Đã trình bày trên báo cáo năm trước</u> VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14.074.540.000	128.755.029.966
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	356.765.512.701	242.085.022.735



**Ngô Thị Lan Anh**  
Người lập



**Trần Thị Thùy Trang**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Đại**  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 07 năm 2016